

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22DA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....10/.....7...../2023

Phòng thi:.....D71.113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622002	Nguyễn Thanh An	02/11/2004	Nam	9,2	6,8	8,0	001			
2	115622004	Huỳnh Phương Anh	01/01/2004	Nữ	9,9	7,6	8,8	002			
3	115622005	Nguyễn Việt Anh	24/01/2004	Nam	8,9	4,8	6,9	003			
4	115622008	Nguyễn Thị Trúc Băng	28/09/2003	Nữ	8,9	6,8	7,9	004			
5	115622009	Mai Bằng Vũ	22/05/2004	Nam	8,9	8,2	8,6	005			
6	115622010	Nguyễn Công Bình	29/03/2004	Nam	9,9	7,6	8,8	006			
7	115622011	Nguyễn Hữu Bình	25/04/2004	Nam	8,9	6,6	7,8	007			
8	115622014	Nguyễn Thị Thu Cúc	01/01/2004	Nữ	9,2	6,8	8,0	008			
9	115622015	Danh Mạnh Đình	30/11/2003	Nam	8,9	6,4	7,7	009			
10	115622017	Trần Thành Được	19/04/2004	Nam	9,2	7,0	8,1	010			
11	115622018	Nguyễn Đức Duy	02/07/2004	Nam	8,7	7,2	8,0	011			
12	115622019	Trần Nhật Duy	22/05/2004	Nam	9,5	5,8	7,7	012			
13	115622020	Trịnh Tấn Duy	06/07/2004	Nam	8,7	6,0	7,4	013			
14	115622021	Dương Ngọc Hân	28/08/2004	Nữ	9,0	7,2	8,1	014			
15	115622022	Trương Ngọc Gia Hân	13/04/2003	Nữ	8,7	6,6	7,7	015			
16	115622023	Nguyễn Phú Hào	08/10/2004	Nam	8,7	6,2	7,5	016			
17	115622024	Trần Trung Hậu	20/09/2004	Nam	10,0	7,8	8,9	017			
18	115622025	Bùi Mỹ Hiền	21/06/2004	Nữ	9,2	7,4	8,3	018			
19	115622026	Nguyễn Diệu Hiền	26/10/2004	Nữ	8,7	6,8	7,8	019			
20	115622027	Lê Nguyễn Vinh Hiền	22/05/2004	Nam	8,7	5,8	7,3	020			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....20.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....20.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày25..... tháng7..... năm2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Phan Văn Khoa

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

1017
D71.114

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22DA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
10/1/2023

Phòng thi: D71-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622028	Nguyễn Anh Hoài	25/08/2004	Nam	8,7	5.6	7,2	001	<i>[Signature]</i>		
2	115622029	Châu Thị Ngọc Hưng	15/07/2004	Nữ	9,7	6.6	8,2	002	<i>[Signature]</i>		
3	115622030	Nguyễn Quỳnh Hương	26/10/2004	Nữ	9,4	6.0	7,7	003	<i>[Signature]</i>		
4	115622031	Huỳnh Gia Huy	29/11/2004	Nam	10,0	5.8	7,9	004	<i>[Signature]</i>		
5	115622033	Nguyễn Quang Huy	06/01/2004	Nam	8,7	7.4	8,1	005	<i>[Signature]</i>		
6	115622034	Nguyễn Trần Đức Huy	17/06/2004	Nam	8,7	5.6	7,2	006	<i>[Signature]</i>		
7	115622035	Trần Thị Như Huỳnh	06/04/2004	Nữ	8,7	7.6	8,2	007	<i>[Signature]</i>		
8	115622036	Lê Minh Kha	16/07/2004	Nam	9,7	7.6	8,7	008	<i>[Signature]</i>		
9	115622037	Nguyễn Minh Kha	22/09/2004	Nam	8,7	5.4	7,1	009	<i>[Signature]</i>		
10	115622038	Lâm Khang	17/12/2004	Nam	8,7	5.0	6,9	010	<i>[Signature]</i>		
11	115622039	Nguyễn Trường Khang	19/05/2002	Nam	8,7	6.2	7,5	011	<i>[Signature]</i>		
12	115622040	Trương Minh Khang	29/01/2004	Nam	8,7	6.0	7,4	012	<i>[Signature]</i>		
13	115622043	Mai Trung Kiên	08/05/2004	Nam	9,0	6.8	7,9	013	<i>[Signature]</i>		
14	115622087	Huỳnh Thị Hồng Thơ	25/10/2004	Nữ	8,7	5.6	7,2	014	<i>[Signature]</i>		
15	115622088	Diệp Thị Ngọc Thu	09/02/2004	Nữ	8,7	7.0	7,9	015	<i>[Signature]</i>		
16	115622090	Cao Anh Thư	10/11/2004	Nữ	8,7	8.0	8,4	016	<i>[Signature]</i>		
17	115622091	Huỳnh Lê Bảo Thư	28/06/2004	Nữ	8,7	6.8	7,8	017	<i>[Signature]</i>		
18	115622093	Nguyễn Võ Minh Thư	26/06/2004	Nữ	8,7	6.4	7,6	018	<i>[Signature]</i>		
19	115622094	Nguyễn Bích Thuận	24/12/2004	Nữ	9,7	8.2	9,0	019	<i>[Signature]</i>		
20	115622096	Cao Huỳnh Thùy Tiên	22/10/2004	Nữ	8,5	7.0	7,8	020	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*

Nguyễn Thanh Châu

Cán bộ coi thi 2: *[Signature]*

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*
Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22DA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....10...../.....07...../.....2023.....

Phòng thi: C71.201

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622097	Nguyễn Đỗ Thủy Tiên	28/01/2004	Nữ	8,0	7,2	7,6	002			
2	115622098	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	13/03/2003	Nữ	8,8	9,0	8,9	003			
3	115622099	Lưu Chí Tín	25/03/2004	Nam	8,0	5,8	6,9	004			
4	115622100	Lê Thị Bích Trâm	18/07/2004	Nữ	8,0	5,2	6,6	005			
5	115622102	Lê Nhã Trân	02/01/2004	Nữ	8,0	4,8	6,4	006			
6	115622104	Nguyễn Ngọc Quế Trân	29/03/2004	Nữ	8,3	5,2	6,8	007			
7	115622106	Nguyễn Thị Bảo Trân	12/08/2004	Nữ	8,0	5,2	6,6	008			
8	115622107	Đặng Quế Trang	28/08/2004	Nữ	8,3	7,6	8,0	009			
9	115622108	Lê Thị Trang	03/07/2003	Nữ	6,0	6,4	6,2	010			
10	115622130	Hoàng Văn Bảo	25/01/2003	Nam	6,9	7,8	7,4	011			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ: 10

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22DB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

10/07/2023

Phòng thi: DT 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115622044	Trương Tấn Kiệt	03/01/2004	Nam	8,3	66	7,5	001	<u>Trương Tấn Kiệt</u>		
2	115622045	Lâm Thị Lệ Kiều	02/09/2004	Nữ	8,2	80	8,1	002	<u>Lâm Thị Lệ Kiều</u>		
3	115622047	Nguyễn Phước Lộc	28/03/2004	Nam	9,0	60	7,5	003	<u>Nguyễn Phước Lộc</u>		
4	115622048	Nguyễn Duy Luân	16/06/2004	Nam	8,0	70	7,5	004	<u>Nguyễn Duy Luân</u>		
5	115622052	Nguyễn Trường Ngân	31/07/2004	Nam	8,0	82	8,1	005	<u>Nguyễn Trường Ngân</u>		
6	115622054	Trần Thị Kim Ngân	19/02/2004	Nữ	8,3	72	7,8	006	<u>Trần Thị Kim Ngân</u>		
7	115622055	Nguyễn Châu Thảo Nghi	04/06/2004	Nữ	8,0	60	7,0	007	<u>Nguyễn Châu Thảo Nghi</u>		
8	115622056	Võ Thị Hồng Nghi	24/08/2004	Nữ	8,0	64	7,2	008	<u>Võ Thị Hồng Nghi</u>		
9	115622057	Lê Minh Nghĩa	05/02/2004	Nam	8,0	50	6,5	009	<u>Lê Minh Nghĩa</u>		
10	115622058	Sơn Mến Nghĩa	12/01/2004	Nam	7,8	38	5,8	010	<u>Sơn Mến Nghĩa</u>		
11	115622059	Tiêu Yến Ngọc	02/07/2004	Nữ	7,8	48	6,3	011	<u>Tiêu Yến Ngọc</u>		
12	115622060	Trần Châu Hồng Ngọc	17/01/2004	Nữ	7,8	4,2*	6,0	012	<u>Trần Châu Hồng Ngọc</u>		4,2 sm
13	115622062	Mai Nguyễn Thảo Nguyên	23/05/2004	Nữ	7,8	52	6,5	013	<u>Mai Nguyễn Thảo Nguyên</u>		
14	115622063	Lê Uyên Nhi	28/01/2004	Nữ	8,3	78	8,1	014	<u>Lê Uyên Nhi</u>		
15	115622064	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/09/2004	Nữ	8,8	74	8,1	015	<u>Nguyễn Thị Yến Nhi</u>		
16	115622071	Trần Thiên Phúc	08/01/2004	Nam	7,8	62	7,0	016	<u>Trần Thiên Phúc</u>		
17	115622073	Dương Bùi Phú Quý	06/03/2004	Nam	7,8	62	7,0	017	<u>Dương Bùi Phú Quý</u>		
18	115622075	Bùi Thị Phương Quyên	23/04/2004	Nữ	7,8	82	8,0	018	<u>Bùi Thị Phương Quyên</u>		
19	115622076	Ngô Chi Tâm	09/09/2004	Nam	8,0	58	6,9	019	<u>Ngô Chi Tâm</u>		
20	115622077	Nguyễn Thị Thanh Tâm	18/04/2004	Nữ	8,3	76	8,0	020	<u>Nguyễn Thị Thanh Tâm</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Ngọc Anh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22DB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

10/7 / 2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115622078	Võ Nguyễn Nhật Tân	15/12/2004	Nam	8,5	5,4	7,0	001	<u>Tan</u>		
2	115622079	Lý Chính Thắng	22/02/2004	Nam	8,3	5,0	6,7	002	<u>Thang</u>		
3	115622082	Trương Công Diệu Thiên	27/04/2004	Nữ	8,0	5,6	6,8	003	<u>Thiên</u>		
4	115622084	Quách Thu Thảo	16/10/2001	Nữ	8,0	5,6	6,8	004	<u>Thao</u>		
5	115622085	Nguyễn Xuân Thi	01/01/2004	Nữ	8,0	5,4	6,7	005	<u>Thi</u>		
6	115622086	Bùi Phương Anh Thơ	11/09/2004	Nữ	8,0	5,6	6,8	006	<u>Anh Tho</u>		
7	115622111	Nguyễn Phú Trọng	02/08/2004	Nam	8,0	6,8	7,4	007	<u>Trong</u>		
8	115622112	Trần Thị Thanh Trước	27/06/2004	Nữ	8,3	6,8	7,6	008	<u>Truc</u>		
9	115622114	Lê Thị Diễm Tường	31/07/2004	Nữ	8,0	5,8	6,9	009	<u>Tuong</u>		
10	115622116	Lê Ngọc Phương Uyên	25/05/2004	Nữ	8,3	6,2	7,3	010	<u>Phuong Uyen</u>		
11	115622117	Phạm Trần Trâm Uyên	06/05/2004	Nữ	8,3	5,6	7,0	011	<u>Uyen</u>		
12	115622118	Dương Nguyễn Triệu Vi	03/03/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	012	<u>Triệu Vi</u>		
13	115622120	Nguyễn Thế Vĩ	24/09/2004	Nam	8,0	6,0	7,0	013	<u>Vu</u>		
14	115622121	Mai Nguyễn Minh Vinh	05/09/2004	Nam	8,0	6,4	7,2	014	<u>Vinh</u>		
15	115622122	Phan Đặng Hữu Vinh	06/09/2004	Nam	8,0	6,0	7,0	015	<u>Vinh</u>		
16	115622123	Lê Quốc Vui	29/08/2004	Nam	8,3	6,0	7,2	016	<u>Vui</u>		
17	115622125	Thạch Nguyễn Tường Vy	24/09/2004	Nữ	8,0	6,4	7,2	017	<u>Vy</u>		
18	115622126	Tô Minh Y	23/09/2004	Nam	8,0	4,8	6,4	018	<u>Y</u>		
19	115622129	Tổng Minh Hiền	10/01/2004	Nam	8,0	5,6	6,8	019	<u>Hiền</u>		
20	115622132	Thạch Thị Khá	15/01/2003	Nữ	8,0	6,0	7,0	020	<u>Khá</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Kim Hải

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Văn Kha

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA20CNOTB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
10 / 07 / 2023

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118020030	Lê Tuấn Linh	04/04/2000	Nam	6,0	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: 00

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22NNAC

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

10 / 07 / 2023

Phòng thi: C71.209

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110422085	Lê Thành Nhân	18/03/2004	Nam	6,0	6,2	6,1	012	<u>Phan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Ths Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22TSB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

10 / 07 / 2023

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110322089	Phạm Như Ý	16/09/2004	Nữ	—	—	—	—	—		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00...

Tổng số tờ: 00...

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phạm Văn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin (180051)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22TYA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

10 / 07 / 2023

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111322001	Nguyễn Phúc An	08/05/2004	Nam	6,0	4,8	5,4	014	<u>An</u>		
2	111322010	Nguyễn An Cư	28/03/2004	Nam	—	—	—	—	—		<u>Sân</u>
3	111322015	Lâm Tiến Đạt	28/07/2004	Nam	6,0	4,8	5,4	016	<u>Đạt</u>		
4	111322032	Dương Nhật Huy	01/09/2004	Nam	8,0	6,2	7,1	017	<u>Huy</u>		
5	111322040	Trần Nhật Khánh	11/08/2002	Nam	6,0	4,8	5,4	018	<u>Khánh</u>		
6	111322041	Trương Tấn Khoa	04/09/2004	Nam	8,0	5,0	6,5	019	<u>Khoa</u>		
7	111322117	Nguyễn Mộng Bắc	23/12/2004	Nam	6,0	5,0	5,5	020	<u>Bác</u>		
8	111322121	Huỳnh Tấn Hưng	09/01/2004	Nam	8,0	4,8	6,4	021	<u>Hưng</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 07

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 07

Tổng số tờ: 07

Cán bộ coi thi 1: Phan Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 25 tháng 7 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành